

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Định	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Trần Thị Đào	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Hoàng Minh Trí	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2014)
Bà Nguyễn Kiêm Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Huỳnh Văn Nhung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quý Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Đào	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Định	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2014)
Ông Huỳnh Văn Nhung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Hoàng Minh Trí	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014)
Ông Trần Hoài Hạnh	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2014

Số: 114 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 08 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 25. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 08 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		571.210.852.060	560.035.978.919
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	161.299.676.254	192.255.383.511
1. Tiền	111		82.059.676.254	75.255.383.511
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.240.000.000	117.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.349.775.260	2.825.975.260
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	6.600.735.680	6.600.735.680
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	6	(3.250.960.420)	(3.774.760.420)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.159.768.765	155.159.684.279
1. Phải thu khách hàng	131		161.878.224.719	165.773.936.997
2. Trả trước cho người bán	132		6.359.388.220	3.357.942.351
3. Các khoản phải thu khác	135		1.153.325.920	1.447.264.084
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.231.170.094)	(15.419.459.153)
IV. Hàng tồn kho	140	7	238.453.743.852	199.704.966.193
1. Hàng tồn kho	141		238.942.355.752	200.020.643.727
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(488.611.900)	(315.677.534)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.947.887.929	10.089.969.676
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.690.017.665	1.750.933.712
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.164.313.401	3.271.538.103
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		352.641.264	170.876.528
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.740.915.599	4.896.621.333
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		294.489.413.814	309.804.425.798
I. Tài sản cố định	220		245.098.749.102	258.489.435.840
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	175.812.862.099	189.299.401.538
- Nguyên giá	222		372.219.165.075	367.457.688.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(196.406.302.976)	(178.158.287.153)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	66.661.402.459	67.137.349.360
- Nguyên giá	228		75.597.971.132	73.791.971.132
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.936.568.673)	(6.654.621.772)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.624.484.544	2.052.684.942
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		33.111.674.700	34.251.674.700
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	25.584.006.700	25.584.006.700
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	8.849.668.000	8.849.668.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(1.322.000.000)	(182.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		16.278.990.012	17.063.315.258
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	16.104.936.012	16.919.261.258
2. Tài sản dài hạn khác	268		174.054.000	144.054.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		865.700.265.874	869.840.404.717

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		121.864.132.960	143.987.007.224
I. Nợ ngắn hạn	310		99.534.700.982	119.682.930.224
1. Phải trả người bán	312		58.047.823.520	61.086.041.318
2. Người mua trả tiền trước	313		22.628.968	2.703.082.828
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	8.635.714.653	16.857.919.032
4. Phải trả người lao động	315		8.756.563.763	15.020.347.691
5. Chi phí phải trả	316	16	20.475.170.954	20.026.483.055
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		973.445.271	998.128.171
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.623.353.853	2.990.928.129
II. Nợ dài hạn	330		22.329.431.978	24.304.077.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	5.077.000.000	5.097.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	18	17.252.431.978	19.207.077.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		743.836.132.914	725.853.397.493
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	743.836.132.914	725.853.397.493
1. Vốn cổ phần	411		167.058.100.000	167.058.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		316.590.569.609	315.192.059.609
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.420.789.142	2.420.789.142
4. Cổ phiếu quỹ	414		(8.286.776.000)	(11.838.266.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		206.662.556.826	196.596.495.300
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.705.810.000	16.705.810.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		42.685.083.337	39.718.409.442
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		865.700.265.874	869.840.404.717

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	572.241.689	30.975.000
2. Ngoại tệ các loại (USD)	314.278	1.332.909


Dương Hoàng Vũ
 Người lập biểu


Trần Hoài Hạnh
 Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Định
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 08 tháng 8 năm 2014


Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu	01	21	374.444.150.852	409.504.022.391
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	944.320.432	3.797.795.725
3. Doanh thu thuần (10 = 01-02)	10		373.499.830.420	405.706.226.666
4. Giá vốn	11	22	195.674.322.048	209.995.634.137
5. Lợi nhuận gộp (20 = 10-11)	20		177.825.508.372	195.710.592.529
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.181.352.776	2.613.004.352
7. Chi phí tài chính	22	25	4.563.997.217	5.796.520.809
8. Chi phí bán hàng	24		97.621.688.406	113.034.602.435
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.901.551.462	23.348.098.180
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		57.919.624.063	56.144.375.457
11. Thu nhập khác	31	26	285.146.402	3.444.136.881
12. Chi phí khác	32	26	3.031.030.144	4.276.068.331
13. Lỗ khác (40=31-32)	40	26	(2.745.883.742)	(831.931.450)
14. Lợi nhuận trước thuế (50 = 30+40)	50		55.173.740.321	55.312.444.007
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	12.939.184.984	14.388.388.702
16. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50-51)	60		42.234.555.337	40.924.055.305
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.520	2.494


Dương Hoàng Vũ
Người lập biểu


Trần Hoài Hạnh
Kế toán trưởng

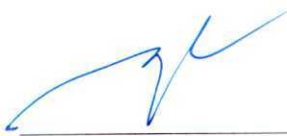

Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 8 năm 2014



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55.173.740.321	55.312.444.007
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	18.575.317.702	18.071.022.522
Các khoản dự phòng	03	2.600.845.307	1.064.634.565
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(879.133.963)	195.774.540
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.232.412.316)	(3.808.745.806)
Chi phí lãi cho các khoản ứng trước từ khách hàng	06	13.000.000	218.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	72.251.357.051	71.053.129.828
Thay đổi các khoản phải thu	09	(785.494.977)	(17.428.990.938)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(38.921.712.025)	26.286.713.821
Thay đổi các khoản phải trả	11	(12.114.339.980)	(57.898.818.441)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(5.124.758.707)	137.224.225
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.000.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.659.526.655)	(11.303.761.988)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.192.666.667	4.000.225.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.139.983.579)	(10.332.945.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.314.792.205)	4.512.776.207
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(7.139.275.986)	(20.472.567.391)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	2.209.772.727
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	2.558.218.030
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.339.385.093	2.293.582.398
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.799.890.893)	(13.410.994.236)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	31	4.950.000.000	-
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(24.608.187.000)	(16.405.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.658.187.000)	(16.405.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(31.772.870.098)	(25.304.028.029)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	192.255.383.511	122.127.216.023
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	817.162.841	138.969.772
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	161.299.676.254	96.962.157.766


Dương Hoàng Vũ
Người lập biểu


Trần Hoài Hạnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 8 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Liên hiệp Dược Đồng Tháp được thành lập theo Quyết định số 284/TCCQ ngày 28 tháng 9 năm 1983 của Sở Y tế Đồng Tháp, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần nhất vào ngày 16 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 76/UBCK-GPNY vào ngày 04 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là IMP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 828 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 880).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, chế biến dược liệu; bán buôn, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, hóa chất, nguyên phụ liệu bao bì sản xuất thuốc, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người (trừ danh mục hàng hóa quy định tại Mục A Phần II Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương Mại); bán buôn mỹ phẩm; nuôi trồng dược liệu; bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng, các loại nước uống, nước uống có cồn, có gas; sản xuất sữa; hoạt động tài chính; sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc; bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kết toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, bản quyền và các phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Bản quyền và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu vào Công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Đầu tư cổ phiếu

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị tiền thuê đất và chi phí nội thất toà nhà văn phòng Imexpharm. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Chi phí nội thất toà nhà văn phòng Imexpharm được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
 Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.061.797.586	978.424.005
Tiền gửi ngân hàng	80.997.878.668	74.276.959.506
Các khoản tương đương tiền	79.240.000.000	117.000.000.000
	<u>161.299.676.254</u>	<u>192.255.383.511</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi với kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng bằng đồng Việt Nam với lãi suất từ 5,5% đến 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	Tại ngày 30/6/2014 và 31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Mekophar	60.000	5.589.637.900
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	10.000	239.465.000
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	4.265	239.510.000
Công ty Cổ phần Dược Domesco	7.500	383.907.520
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	5.000	148.215.260
		6.600.735.680

6. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	89.157.520	147.407.520
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	239.465.000	239.465.000
Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	2.922.337.900	3.387.887.900
	3.250.960.420	3.774.760.420

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	22.639.975.605	21.399.349.064
Nguyên liệu, vật liệu	112.575.960.518	97.028.943.635
Công cụ, dụng cụ	2.749.446.405	3.122.759.558
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.407.660.333	15.025.411.539
Thành phẩm	83.569.312.891	63.444.179.931
	238.942.355.752	200.020.643.727
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(488.611.900)	(315.677.534)
	238.453.743.852	199.704.966.193

Trong kỳ, Công ty đã trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 172.934.366 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	134.181.852.773	176.587.366.692	49.857.089.269	6.831.379.957	367.457.688.691
Mua sắm mới	-	3.235.359.466	990.570.000	-	4.225.929.466
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	535.546.918	-	-	-	535.546.918
Tại ngày 30/6/2014	134.717.399.691	179.822.726.158	50.847.659.269	6.831.379.957	372.219.165.075
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	54.440.435.314	97.173.532.835	22.975.551.280	3.568.767.724	178.158.287.153
Phân loại lại	(25)	(236.267.446)	258.491.884	(22.224.413)	-
Khấu hao trong kỳ	4.442.991.412	9.780.170.404	3.576.746.851	448.107.156	18.248.015.823
Tại ngày 30/6/2014	58.883.426.701	106.717.435.793	26.810.790.015	3.994.650.467	196.406.302.976
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2014	75.833.972.990	73.105.290.365	24.036.869.254	2.836.729.490	175.812.862.099
Tại ngày 31/12/2013	79.741.417.459	79.413.833.857	26.881.537.989	3.262.612.233	189.299.401.538

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 83.589.999.262 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 78.260.306.408 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	60.761.360.233	744.712.823	12.285.898.076	73.791.971.132
Mua sắm mới	1.806.000.000	-	-	1.806.000.000
Tại ngày 30/6/2014	62.567.360.233	744.712.823	12.285.898.076	75.597.971.132
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	2.906.931.465	744.712.823	3.002.977.484	6.654.621.772
Phân loại lại	2	-	(2)	-
Khấu hao trong kỳ	264.266.500	-	2.017.680.401	2.281.946.901
Tại ngày 30/6/2014	3.171.197.967	744.712.823	5.020.657.883	8.936.568.673
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	59.396.162.266	-	7.265.240.193	66.661.402.459
Tại ngày 31/12/2013	57.854.428.768	-	9.282.920.592	67.137.349.360

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Nhà V4-V5, Khu dân cư mới Hưng Phú - Cần Thơ	1.563.795.454	1.800.000.000
Chi phí cải tạo Chi nhánh Đồng Tháp	-	203.594.033
Văn phòng Chi nhánh Cà Mau	1.060.689.090	49.090.909
	2.624.484.544	2.052.684.942

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	Bình Dương	26,00%	26,00%	Sản xuất và bán buôn dược phẩm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	An Giang	25,86%	25,86%	Sản xuất và bán buôn dược phẩm
Công ty Cổ phần Dược S.pharm	Sóc Trăng	29,48%	29,48%	Sản xuất và bán buôn dược phẩm
Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười	Đồng Tháp	20,00%	20,00%	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	14.393.326.700	14.393.326.700
Công ty Cổ phần Dược S.pharm	8.668.680.000	8.668.680.000
Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười	2.340.000.000	2.340.000.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	182.000.000	182.000.000
	<u>25.584.006.700</u>	<u>25.584.006.700</u>

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	114.550.000	114.550.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	581.428.000	581.428.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW Vidipha	476.000.000	476.000.000
Ngân Hàng Phương Nam	127.690.000	127.690.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp	50.000.000	50.000.000
	<u>8.849.668.000</u>	<u>8.849.668.000</u>

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	1.140.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	182.000.000	182.000.000
	<u>1.322.000.000</u>	<u>182.000.000</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số đầu kỳ/năm	16.919.261.258	14.591.241.755
Tăng trong kỳ/năm	-	3.937.498.840
Phân bổ trong kỳ/năm	(814.325.246)	(1.004.254.618)
Giảm khác	-	(605.224.719)
Số cuối kỳ/năm	<u>16.104.936.012</u>	<u>16.919.261.258</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.203.264.836	1.070.545.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.829.601.688	14.549.943.359
Thuế thu nhập cá nhân	602.386.622	172.564.358
Thuế khác	461.507	1.064.865.795
	8.635.714.653	16.857.919.032

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phí bản quyền	7.452.914.976	6.983.498.725
Chi phí bán hàng	8.381.913.066	7.468.048.831
Khác	4.640.342.912	5.574.935.499
	20.475.170.954	20.026.483.055

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản ký quỹ dài hạn của khách hàng để thực hiện việc mua hàng từ Công ty. Hợp đồng nguyên tắc có hiệu lực cho đến hết ngày thanh lý hợp đồng và tái ký hàng năm nếu như không có bất kỳ thay đổi về điều khoản của hợp đồng. Khoản ký quỹ dài hạn này chịu mức lãi suất tiền gửi có kỳ hạn một năm trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ/năm	19.207.077.000	11.500.000.000
Tăng quỹ trong kỳ/năm	-	10.500.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(1.954.645.022)	(2.792.923.000)
Số dư cuối kỳ/năm	17.252.431.978	19.207.077.000

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	16.705.810	16.705.810
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	16.705.810	16.705.810
Số lượng cổ phiếu quỹ	210.000	300.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	16.495.810	16.405.810
Mệnh giá cổ phần (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Theo Nghị quyết số 39/NQHĐQT-IMEX ngày 31 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thống nhất thông qua lộ trình và hồ sơ phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty trong năm 2014 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó:

- a) Phát hành thêm cổ phần dưới dạng cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 2:1.
- b) Phát hành thêm 5% số lượng cổ phần đang lưu hành theo Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn người lao động trong Công ty (gọi tắt là "ESOP").
- c) Phát hành thêm 10% số lượng cổ phần đang lưu hành cho các cổ đông chiến lược.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc phát hành thêm số cổ phần như đã nêu bên trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 30/6/2014		Vốn đã góp tại ngày 30/6/2014	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2013		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2013
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>Cổ phiếu</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Dược Việt Nam	4.582.965	27,43%	45.829.650.000	4.582.965	27,43%	45.829.650.000
Balestrand Limited	1.164.446	6,97%	11.644.460.000	1.164.446	6,97%	11.644.460.000
Franklin Templeton Investment Funds-Templeton Frontier	1.637.880	9,80%	16.378.800.000	1.637.880	9,80%	16.378.800.000
Kwe Beteiligungen AG	1.545.002	9,25%	15.450.020.000	1.222.498	7,32%	12.224.980.000
Cổ đông khác	7.775.517	46,55%	77.755.170.000	8.098.021	48,48%	80.980.210.000
	16.705.810	100%	167.058.100.000	16.705.810	100%	167.058.100.000

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm/kỳ như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	167.058.100.000	315.192.059.609	2.420.789.142	(11.838.266.000)	15.214.500.000	166.419.364.850	59.716.306.411	714.182.854.012
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	60.624.219.442	60.624.219.442
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(32.811.620.000)	(32.811.620.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.491.310.000	30.177.130.450	(47.810.496.411)	(16.142.055.961)
Tại ngày 01/01/2014	167.058.100.000	315.192.059.609	2.420.789.142	(11.838.266.000)	16.705.810.000	196.596.495.300	39.718.409.442	725.853.397.493
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	1.398.510.000	-	3.551.490.000	-	-	-	4.950.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	42.234.555.337	42.234.555.337
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(25.058.715.000)	(25.058.715.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	10.066.061.526	(14.553.452.248)	(4.487.390.722)
Thưởng cho Hội đồng quản trị do hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2013	-	-	-	-	-	-	(106.242.194)	(106.242.194)
Hoàn nhập cổ tức của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	450.528.000	450.528.000
Tại ngày 30/6/2014	167.058.100.000	316.590.569.609	2.420.789.142	(8.286.776.000)	16.705.810.000	206.662.556.826	42.685.083.337	743.836.132.914

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Theo Nghị quyết số 15/HĐQT-IMEX của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013, cụ thể:

- a) Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ là 10.500.000.000 đồng (tạm trích trong năm 2013 là 10.500.000.000 đồng).
- b) Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 8.487.390.722 đồng.
- c) Trích lập Quỹ đầu tư phát triển là 10.066.061.526 đồng.
- d) Thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát do hoàn thành kế hoạch lợi nhuận theo khoản 11 điều 25 Điều lệ Công ty là 606.242.194 đồng (tạm trích trong năm 2013 là 500.000.000 đồng).
- d) Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 41.464.525.000 đồng (tạm chia trong năm 2013 là 16.405.810.000 đồng).

Trong kỳ, các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị đã được trích lập đầy đủ cũng như cổ tức bằng tiền mặt đã được chi trả cho các Cổ đông theo như Nghị quyết nêu trên của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hàng xuất khẩu	2.545.950.672	3.893.067.570
Doanh thu hàng sản xuất	324.422.969.576	364.571.430.849
Doanh thu hàng nhượng quyền	41.584.128.847	35.071.653.787
Doanh thu hàng ngoại nhập	-	597.957.847
Doanh thu hàng mua bán khác	5.891.101.757	5.369.912.338
	374.444.150.852	409.504.022.391
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(944.320.432)	(3.797.795.725)
Tổng doanh thu thuần	373.499.830.420	405.706.226.666

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. GIÁ VỐN**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn hàng xuất khẩu	1.567.129.518	1.746.407.148
Giá vốn hàng sản xuất	156.889.550.533	175.048.022.451
Giá vốn hàng nhượng quyền	31.584.974.606	26.464.379.141
Giá vốn hàng ngoại nhập	-	568.943.741
Giá vốn hàng mua bán khác	5.632.667.391	6.167.881.656
	195.674.322.048	209.995.634.137

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147,285,644,009	161,295,454,475
Chi phí nhân công	58,422,472,735	52,252,356,405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18,575,317,702	18,071,022,522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,481,990,292	30,735,290,965
Chi phí khác	61,471,457,278	83,112,474,506
	317,236,882,016	345,466,598,873

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.060.356.216	1.595.643.484
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	69.806.497	102.266.398
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	879.133.963	-
Cô tức được chia	172.056.100	915.094.470
	4.181.352.776	2.613.004.352

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi phát sinh do khoản ký quỹ từ khách hàng	13.000.000	218.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	263.250.614	466.449.976
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	195.774.540
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	616.200.000	1.312.782.960
Chiết khấu thanh toán	3.626.646.603	3.552.030.931
Chi phí khác	44.900.000	51.482.402
	4.563.997.217	5.796.520.809

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. LỖ KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	9.772.727
Thu từ chuyển nhượng tài sản	-	2.200.000.000
Khác	285.146.402	1.234.364.154
Thu nhập khác	285.146.402	3.444.136.881
Chi phí chuyển nhượng tài sản	-	911.764.875
Trích khấu hao nhà máy Penicilin tại Bình Dương	2.039.320.100	2.146.868.419
Khác	991.710.044	1.217.435.037
Chi phí khác	3.031.030.144	4.276.068.331
Lỗ khác	(2.745.883.742)	(831.931.450)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	55.173.740.321	55.312.444.007
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.812.792.978	3.289.433.421
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(172.056.100)	(1.048.322.622)
Thu nhập chịu thuế	58.814.477.199	57.553.554.806
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.939.184.984	14.388.388.702

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. (năm 2013 là 25%).

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tạm tính trong kỳ trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	42.234.555.337	40.924.055.305
Trừ lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	879.133.963	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	41.355.421.374	40.924.055.305
Cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ	16.409.291	16.405.810
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.520	2.494

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	150.600.000	112.500.000

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	150.600.000	138.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	150.000.000	-
Sau 5 năm	20.000.000	-
	320.600.000	138.000.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền mà Công ty phải trả cho việc thuê mặt bằng kinh doanh hiệu thuốc của một số chi nhánh trên cả nước.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.299.676.254	192.255.383.511
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.349.775.260	2.825.975.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	145.800.380.545	151.801.741.928
Đầu tư dài hạn	7.709.668.000	8.667.668.000
Các khoản ký quỹ	451.072.581	2.348.720.667
Tổng cộng	318.610.572.640	357.899.489.366
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	63.679.597.797	66.764.253.595
Chi phí phải trả	20.475.170.954	20.026.483.055
Tổng cộng	84.154.768.751	86.790.736.650

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp phòng ngừa có thể cao hơn mức chi phí tiềm tàng do thay đổi tỷ giá và lãi suất của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	9,670,537,569	28,098,771,883	43,819,232,708	45,689,234,804
Euro Châu Âu (EUR)	-	-	5,253,569,220	971,072,355

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Phân tích sau đây thể hiện độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Việt Nam đồng tăng/giảm 5% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng là 1707.434.757 đồng (năm 2013: 879.523.146 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn các khách hàng khác nhau chứ không tập trung vào một số khách hàng chính và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/6/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.299.676.254	-	161.299.676.254
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.349.775.260	-	3.349.775.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	145.800.380.545	-	145.800.380.545
Đầu tư dài hạn	-	7.709.668.000	7.709.668.000
Các khoản ký quỹ	277.018.581	174.054.000	451.072.581
Tổng cộng	310.726.850.640	7.883.722.000	318.610.572.640

Tại ngày 30/6/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	58.602.597.797	5.077.000.000	63.679.597.797
Chi phí phải trả	20.475.170.954	-	20.475.170.954
Tổng cộng	79.077.768.751	5.077.000.000	84.154.768.751

Chênh lệch thanh khoản thuần	231.649.081.889	2.806.722.000	234.455.803.889
-------------------------------------	------------------------	----------------------	------------------------

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.255.383.511	-	192.255.383.511
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.825.975.260	-	2.825.975.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	151.801.741.928	-	151.801.741.928
Đầu tư dài hạn	8.667.668.000	-	8.667.668.000
Các khoản ký quỹ	2.204.666.667	144.054.000	2.348.720.667
Tổng cộng	357.755.435.366	144.054.000	357.899.489.366

Tại ngày 31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	61.667.253.595	5.097.000.000	66.764.253.595
Chi phí phải trả	20.026.483.055	-	20.026.483.055
Tổng cộng	81.693.736.650	5.097.000.000	86.790.736.650

Chênh lệch thanh khoản thuần	276.061.698.716	(4.952.946.000)	271.108.752.716
-------------------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại
 Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm
 Công ty Cổ phần Dược S.pharm
 Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển
 Dược liệu Đồng Tháp Mười

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu		
Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	6.944.814.539	6.944.814.539
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	60.481.577	747.884.064
Công ty Cổ phần Dược S.pharm	749.867.269	-
Phải trả		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	61.502.188	-

Giao dịch trong kỳ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	4.626.198.100	5.829.280.021
Công ty Cổ phần Dược S.pharm	1.133.800.560	123.280.819
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Dược S.pharm	450.717.750	574.880.250
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	5.375.102.775	2.964.426.150

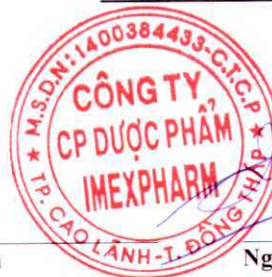
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lương, các khoản thưởng và phúc lợi khác	5.566.626.000	6.483.058.900


 Dương Hoàng Vũ
 Người lập biểu


 Trần Hoài Hạnh
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Quốc Định
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 08 tháng 8 năm 2014